

QUYẾT ĐỊNH

**"Về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường thành phố Uông Bí tỉnh
Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030"**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, các ngành, các lĩnh vực;

Căn cứ văn bản số 1233/UBND-MT1 ngày 29/3/2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh "V/v đồng ý chủ trương điều chỉnh và lập quy hoạch bảo vệ môi trường";

Căn cứ văn bản số 4630/UBND – MT ngày 21/9/2013 của UBND tỉnh Quảng Ninh "V/v phân công nhiệm vụ triển khai quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ninh";

Căn cứ Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 25/01/2013 của UBND thành phố Uông Bí "Về việc phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí lập Quy hoạch Bảo vệ môi trường thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030";

Xét đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 347/TTr-TNMT ngày 29/11/2013.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với các nội dung chủ yếu sau:

I. Mục tiêu quy hoạch bảo vệ môi trường:

- Nghiên cứu quy hoạch tổng thể về môi trường, phân vùng quy hoạch môi trường địa bàn thành phố nhằm định hướng sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường phục vụ chiến lược phát triển bền vững kinh tế - xã hội của thành phố.

- Đề xuất các định hướng chiến lược bảo vệ môi trường thành phố Uông Bí, trọng tâm là các vấn đề môi trường cấp bách ở ngành công nghiệp khai thác than, ngành công nghiệp sản xuất xi măng, ngành công nghiệp nhiệt điện, du lịch dịch vụ, môi trường khu vực dân cư, khu vực đô thị hoá ở các phường, xã, môi trường vùng nông thôn và nông nghiệp.

- Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên và danh mục các dự án đầu tư bảo vệ môi trường bền vững cho thành phố trong ngắn hạn và dài hạn để lập dự án, xin vốn từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc kêu gọi vốn đầu tư xã hội hóa.

- Tạo cơ sở khoa học để xây dựng các biện pháp khả thi về môi trường, cân bằng hài hoà giữa các hoạt động phát triển, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên trong các phân vùng quy hoạch.

- Kiểm soát có hiệu quả các tác động môi trường, đặc biệt là tác động môi trường có phạm vi lớn và lâu dài.

- Xây dựng Quy hoạch bảo vệ môi trường thành phố Uông Bí phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội thành phố Uông Bí cũng như các Quy hoạch ngành.

- Nâng cao năng lực kiểm soát ô nhiễm (nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt, khí thải, chất thải rắn, tái chế chất thải và chất thải nguy hại).

II. Phân vùng và quy hoạch bảo vệ môi trường thành phố đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030:

2.1. Phân vùng môi trường và định hướng tổ chức không gian khai thác hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo các tiểu vùng:

Thành phố Uông Bí được phân thành 4 nhóm tiểu vùng môi trường với 8 tiểu vùng như sau:

A Nhóm tiểu vùng đồi núi phía bắc

(1) Tiểu vùng du lịch và bảo tồn cảnh quan du lịch núi Yên Tử: không gian ưu tiên bảo tồn rừng nguyên sinh núi trung bình Yên Tử và phát triển và bảo vệ môi trường du lịch văn hoá và du lịch sinh thái. Vấn đề bảo vệ môi trường cần quan tâm là tổ chức không gian bảo vệ môi trường, gìn giữ và tôn tạo các di tích lịch sử - văn hoá, bảo vệ cảnh quan tự nhiên khu vực danh thắng, đặc biệt đối với thảm rừng khu vực dọc tuyến du lịch; thu gom rác thải, xử lý nước thải du lịch, nhất là đối với các cơ sở phục vụ du lịch như nhà hàng, khách sạn; bảo vệ hệ thống rừng quốc gia; có những biện pháp chế tài mạnh ngăn cấm khai thác gỗ, cây dược liệu và các loại lâm sản ngoài gỗ khác.

(2) Tiểu vùng lâm nghiệp đồi núi thấp Đông Yên Tử - Bảo Đài: không gian ưu tiên bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn, góp phần bảo vệ đất, điều hoà dòng chảy, cải thiện điều kiện khí hậu trong khu vực và khoanh nuôi và tái sinh rừng, bảo vệ đất, chống xói mòn.

(3) Tiểu vùng khai thác than Vàng Danh: Các biện pháp bảo vệ môi trường cần quan tâm là sử dụng các giải pháp công nghệ thích hợp để xử lý nước thải trong quá trình tuyển than, giảm thiểu tiếng ồn khu vực sàng tuyển; tiếp tục thực hiện công tác hoàn thổ sau khai thác; quy hoạch hợp lý các bãi thải sau khai thác than; áp dụng nghiêm ngặt các biện pháp kỹ thuật nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu ô

nhiễm không khí, ô nhiễm nước, đặc biệt là giảm ô nhiễm bụi, tiếng ồn khu vực khai trường và tuyến vận chuyển than; cải thiện môi trường lao động, chấp hành nghiêm chỉnh quy trình và các biện pháp đảm bảo an toàn cho người lao động; ngăn ngừa các tai biến thiên nhiên như đổ lở, trượt lở đất, đá, sụt lún đất đá và xói mòn đất.

B. Nhóm tiểu vùng đồi thung lũng

(4) Tiểu vùng quần cư và nông nghiệp thung lũng đồi thoải Thượng Yên Công: Các biện pháp bảo vệ môi trường cần được quan tâm là giữ vững diện tích lúa để đảm bảo an toàn lương thực; xây dựng các mô hình canh tác nông lâm nghiệp trên các dải đồi rìa đồng bằng và thung lũng kiến tạo đem lại hiệu quả kinh tế cao và duy trì được tính bền vững sinh thái; sử dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác hợp lý, bảo vệ và cải thiện chất lượng đất, ngăn ngừa xói mòn và rửa trôi đất; xây dựng tuyến thu gom rác phụ dọc tuyến đường giao thông chính, làm tốt công tác thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt; đảm bảo cung cấp nước sạch cho người lao động vùng mỏ và dân cư đô thị.

C. Nhóm tiểu vùng đồi núi trung tâm

(5) Tiểu vùng lâm nghiệp và du lịch đồi núi thấp trung tâm: Các biện pháp bảo vệ môi trường cần quan tâm là xây dựng thêm cơ sở hạ tầng mới và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng; bảo vệ, phục hồi và trồng mới rừng thông trong khu du lịch; làm tốt việc xử lý nước thải và thu gom rác thải từ hoạt động du lịch; xây dựng đập dâng sông Sinh và đập dâng suối Mười Hai Khe, tạo ra hồ chứa nước đa mục tiêu, điều tiết và cấp nước sinh hoạt ở thành phố Uông Bí; bảo vệ nghiêm ngặt và phát triển lớp phủ rừng ở phần thượng lưu các hồ chứa.

D. Nhóm tiểu vùng gò đồi và đồng bằng sông - triền phía Nam

(6) Tiểu vùng trung tâm công nghiệp và khu đô thị: Các biện pháp bảo vệ môi trường cần quan tâm là quản lý chất thải công nghiệp và đô thị; hạn chế xây dựng mới các cơ sở công nghiệp ở đây; sử dụng công nghệ thích hợp hạn chế ô nhiễm do khí thải của nhà máy nhiệt điện, xử lý nguồn nước thải công nghiệp, quản lý chặt chẽ rác thải công nghiệp, đặc biệt là các loại rác thải độc hại; đảm bảo cung cấp đủ nước sạch cho dân cư đô thị; quy hoạch tập trung và xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải từ các cơ sở dịch vụ, chợ, nhà hàng; thu gom và xử lý triệt để chất thải độc hại bệnh viện, các cơ sở y tế nội thị và từ các cơ sở công nghiệp phân tán; quy hoạch khuôn viên, phát triển dải cây xanh và các không gian mở; quản lý chặt chẽ hoạt động vận chuyển đất đá và vật liệu xây dựng để thực hiện các dự án.

(7) Tiểu vùng công nghiệp, thương mại và đô thị mới Phương Nam: Bao gồm không gian ưu tiên cung cấp nước sạch và thu gom rác thải, vệ sinh môi trường các khu dân cư và không gian ưu tiên bảo vệ môi trường và xử lý nước, rác thải công nghiệp. Vấn đề bảo vệ môi trường chính cần tập trung quan tâm là: quản lý ô nhiễm không khí, tiếng ồn, nước do hoạt động giao thông, xây dựng

các dự án và phát triển các khu dân cư; Xử lý nước thải và cải tạo, nâng cấp, xây dựng hệ thống cấp thoát nước; Quản lý chặt chẽ việc xả thải của các nhà máy, các khu thương mại trung tâm.

(8) Tiểu vùng nông ngư nghiệp và cảng trên đồng bằng thấp trũng nam Uông Bí: Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp khu vực trong đê, tăng cường nuôi trồng thủy sản theo hình thức bán thâm canh và thâm canh; Ngăn chặn chặt phá rừng ngập mặn, trồng thêm rừng phòng hộ ven đê; Thực hiện nuôi trồng bền vững, quy hoạch các đầm nuôi, làm tốt việc điều tiết nước trong đầm qua hệ thống thu nhận nước và dẫn thoát nước; Làm tốt công tác vệ sinh môi trường các cụm dân cư ở dải đồng bằng thấp trũng ven sông; Nâng cấp cảng than Điện Công và cảng Bạch Thái Bưởi, ngăn ngừa ô nhiễm nước và không khí do vận chuyển than ở khu vực cảng Điện Công gây ra, quản lý tốt rác thải và nước tại khu vực cảng Bạch Thái Bưởi; Quy hoạch phát triển du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng ở khu vực núi đá vôi sót nằm trên dải đồng bằng thấp trũng ven sông Hang Ma và sông Đá Bạch; Bảo vệ và phục hồi dải rừng ngập mặn phòng hộ ven sông Hang Ma và sông Đá Bạch; Xây dựng hành lang xanh bên tuyến vận tải bộ với chiều rộng ít nhất 20-30m.

2.2. Quy hoạch bảo vệ môi trường thành phố đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030:

2.2.1 Quy hoạch hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn:

- Thiết lập một hệ thống cơ sở hạ tầng đủ sức đáp ứng công tác thu gom rác thải và đảm bảo chất lượng vệ sinh môi trường, tránh ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống của người dân.

- Hoàn thành việc xây dựng và đưa vào sử dụng bãi chôn lấp chất thải rắn Khe Gang - xã Thượng Yên Công trong năm 2014.

- Quy hoạch thu gom xử lý chất thải nguy hại thành phố bao gồm: chất thải từ ngành y tế sử dụng phương pháp lò đốt rác và một số ngành công nghiệp khác sẽ tiến hành các bước như: Phân loại rác thải, tách rác thải công nghiệp nguy hại ra khỏi rác thải công nghiệp thông thường. Thu gom chất thải đóng gói, lưu kho, bảo quản rác thải nguy hại theo qui định để xử lý tại cơ sở xử lý tập trung có đầy đủ trang thiết bị của tỉnh Quảng Ninh.

2.2.2 Quy hoạch cấp, thoát nước và xử lý nước thải:

- Quy hoạch hệ thống cấp nước sinh hoạt: Đầu tư và cải tạo hệ thống đường ống cấp nước sinh hoạt cho toàn bộ khu vực thành phố, giảm tỷ lệ thất thoát nước trong đô thị từ 55% xuống còn 20-25%. Thực hiện chương trình nước sạch nông thôn, đảm bảo đến năm 2020 có khoảng 95-100% số hộ nông thôn được dùng nước sạch. Ưu tiên thực hiện dự án khai thác nguồn nước suối Mươi Hai Khe và suối Đồng Bồng; Đóng cửa nhà máy nước Lán Tháp hoặc

chuyển sang mục đích sử dụng cho công nghiệp.

- Đối với hệ thống thoát nước được cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước thải, xây dựng hệ thống tiêu thoát, xử lý nước thải tại các khu công nghiệp, khu dân cư, đô thị mới, khu du lịch theo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường.

- 100% các cơ sở, hộ gia đình có phát sinh chất thải phải có công trình xử lý, hệ thống xử lý nước thải phù hợp với qui mô sử dụng nhằm đảm bảo qui chuẩn qui định trước thải ra môi trường.

2.2.3 Quy hoạch bảo vệ môi trường không khí: Tất cả các cơ sở công nghiệp sản xuất có sinh ra khí thải, khói do đốt nhiên liệu nhất thiết phải có hệ thống lọc bụi tĩnh điện, phải lắp đặt các hệ thống lọc SO₂, NO₂ và các chất hữu cơ dễ bay hơi có trong thành phần khí thải và định kỳ thực hiện việc duy tu, bảo dưỡng, thay thế các thiết bị của hệ thống xử lý.

2.2.4 Quy hoạch hệ thống cây xanh: Lựa chọn và bố trí thảm cây xanh phù hợp với điều kiện tự nhiên và qui hoạch thiết kế không gian xanh của thành phố; trồng cây hoàn thổ môi trường các khu vực sau khi kết thúc hoạt động khoáng sản.

2.2.5 Quy hoạch bảo vệ môi trường vùng khai thác khoáng sản: Ưu tiên áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, đầu tư các công trình xử lý chất thải và thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường và đất đai sau khai thác.

2.2.6 Quy hoạch bảo vệ môi trường đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp: triển khai chương trình sản xuất sản phẩm sạch trong nông nghiệp như: Đưa các loại giống mới có khả năng chống chịu sâu bệnh vào sản xuất; giảm sử dụng các loại hóa chất BVTV độc hại, tăng cường sử dụng các loại chất BVTV có nguồn gốc thực vật. Đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

2.2.7 Quy hoạch hệ thống quan trắc và giám sát môi trường: Xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường không khí, tiếng ồn; quan trắc môi trường nước bao gồm: nước mặt, nước dưới đất, nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp và quan trắc môi trường đất.

2.3. Các chỉ tiêu bảo vệ môi trường đến năm 2020: (Chi tiết theo Phụ lục kèm theo)

III. Các giải pháp thực hiện quy hoạch:

3.1 Giải pháp cơ chế, chính sách:

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường: Xây dựng quy chế Bảo vệ môi trường cấp thành phố, phường xã, cụm dân cư...

- Đẩy mạnh xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường nhằm phát huy tối đa các nguồn lực trong xã hội tham gia vào các hoạt động BVMT.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

- Có chính sách và cơ chế khuyến khích đầu tư sản xuất công nghệ cao ít gây ô nhiễm môi trường vào các khu công nghiệp mới.

3.2 Giải pháp kỹ thuật, công nghệ:

- Hợp tác với các tổ chức tư vấn về khoa học, kỹ thuật, công nghệ trong nước và quốc tế để thực hiện các dự án ưu tiên trong quy hoạch.

- Hỗ trợ việc sử dụng công nghệ mới, áp dụng sản xuất sạch hơn nhằm cải thiện môi trường.

3.3 Giải pháp về vốn:

- Đa dạng hóa các nguồn đầu tư vào công tác BVMT theo tinh thần nghị quyết 41- NQ/TW, ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Bộ Chính trị.

- Tập trung đầu tư các công trình trọng điểm phục vụ việc bảo vệ môi trường như: hồ đập cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, các trạm xử lý nước thải, bãi chôn lấp và xử lý rác thải,...

3.4 Giải pháp nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường trong mọi tầng lớp xã hội:

- Phát triển các phong trào quần chúng tham gia bảo vệ môi trường. Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào trong các hương ước, nội quy, quy chế của từng địa phương.

- Cần có quy định thưởng phạt nghiêm minh trong các hoạt động bảo vệ môi trường. Tạo dư luận xã hội lên án và phát hiện các trường hợp vi phạm quy định và gây ô nhiễm môi trường.

- Tăng cường giáo dục tình yêu quê hương, môi trường sống, khuyến khích các hoạt động gắn bó với môi trường và bảo vệ môi trường trong mọi tầng lớp nhân dân.

3.5 Kế hoạch thực hiện quy hoạch và các dự án ưu tiên: Thống nhất với đề xuất trong báo cáo quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành chức năng của thành phố; Ủy ban nhân dân các phường, xã; các tổ chức, doanh nghiệp cá nhân có liên quan trên địa bàn thành phố tổ chức thực hiện có hiệu quả nội dung quy hoạch,

2. Các phòng, ban, ngành chức năng của thành phố; Ủy ban nhân dân các phường, xã: căn cứ chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị

mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt các nội dung, nhiệm vụ có liên quan trong quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Chánh văn phòng HĐND&UBND thành phố Uông Bí, Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính – Kế hoạch, Quản lý đô thị, Kinh tế, Thủ trưởng các phòng, ban, ngành chức năng của thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/c);
- TT Thành ủy, TT HĐND (b/c);
- Các Sở: TNMT, KH-ĐT, Xây dựng (P/h);
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Trung tâm kỹ thuật TNĐ và MT- Trường ĐHNN Hà Nội;
- Như Điều 3 (T/h);
- Lưu VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Phố

Chỉ tiêu bảo vệ môi trường thành phố Uông Bí đến năm 2020

(Kèm theo Quyết định số 5780/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc phê duyệt Quy hoạch Bảo vệ Môi trường thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030)

1. Hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm:

- 100% dân số đô thị được cấp nước sạch.
- Trên 80% dân số nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh.
- 100% cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý.
- Trên 90% chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý.
- Trên 80% chất thải rắn y tế được xử lý, trong đó tại các bệnh viện 100%.
- 100% khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường.
- 100% các cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường.
- 100% các cơ sở sản xuất kinh doanh áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14000.
- An toàn hoá chất được kiểm soát chặt chẽ, đặc biệt là các hoá chất có mức độ độc hại cao; việc sản xuất và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật gây ô nhiễm môi trường được hạn chế tối đa; tăng cường sử dụng các biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp.

2. Cải thiện chất lượng môi trường:

- Hoàn thành dự án nâng công suất nhà máy nước Đồng Mây để đạt tổng công suất 30.000 m³/ngày.đêm.
- Hoàn thành việc cải tạo, nâng cấp và xây dựng hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải của thành phố.
- Đưa chất lượng nước các lưu vực sông đạt mức tiêu chuẩn chất lượng nước dùng cho nông nghiệp và nuôi trồng một số thủy sản.
- Bảo vệ môi trường ngành than: phấn đấu đến năm 2015 cơ bản ngăn chặn được việc gây ô nhiễm môi trường và ô nhiễm các nguồn nước; đến năm 2020 cải thiện cơ bản các chỉ tiêu chí về môi trường tại các khu vực nhạy cảm (đô thị, khu dân cư, điểm du lịch v.v...), các mỏ phải đáp ứng tiêu chuẩn về môi trường; đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn môi trường trên toàn địa bàn vùng mỏ.

3. Bảo tồn thiên nhiên:

- Nâng độ che phủ rừng đạt 57%. Nâng cao chất lượng rừng trồng, bổ sung nhiều cây bản địa.
- Bảo tồn 100% các loài sinh vật trong hệ sinh thái rừng, bảo tồn phát triển những loại động thực vật quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.